BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI
---------🕮---------

NGUYỄN THỊ NINH

TỔ CHỨC DẠY HỌC ĐỊA LÍ 12 Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THEO QUAN ĐIỂM SƯ PHẠM TƯƠNG TÁC

Chuyên ngành: Lí luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Địa lí
Mã số: 9.14.01.11

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

HÀ NỘI - 2018

Công trình được hoàn thành tại:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS. Ngô Thị Hải Yến

2. PGS.TS. Lâm Quang Dốc

Phản biện 1: **PGS.TS. Đậu Thị Hòa** - *Trường ĐHSP - Đại học Đà Nẵng*

Phản biện 2: **GS.TS. Nguyễn Viết Thịnh** - *Trường ĐHSP Hà Nội*

Phản biện 3: **PGS.TS. Đỗ Vũ Sơn** - *Trường ĐHSP - Đại học Thái Nguyên*

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp Trường
họp tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội
vào hồi .... giờ....., ngày.....tháng… năm 2018.

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện trường Đại học Sư phạm Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1. Trong thời đại phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ, xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, giáo dục đã trở thành vấn đề được quan tâm hàng đầu của mỗi quốc gia. Đảng và Nhà nước ta luôn đánh giá cao vai trò quan trọng của ngành Giáo dục và Đào tạo đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, coi *"Giáo dục là quốc sách hàng đầu", "đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển".*

2. Giáo dục phổ thông nước ta đang thực hiện bước chuyển từ chương trình giáo dục tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực, nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng, phát triển năng lực của học sinh trong học tập, góp phần nâng cao chất lượng dạy học ở trường phổ thông.

Do đó, nhiệm vụ quan trọng của các môn học trong nhà trường hiện nay nói chung, môn học Địa lí nói riêng cũng phải đổi mới chương trình, sách giáo khoa, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh, sao cho phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học, hướng tới việc phát triển cho học sinh những năng lực cần thiết của người lao động trong thời đại công nghiệp 4.0, trang bị cho các em hành trang để làm chủ bản thân, làm chủ tri thức, sẵn sàng hợp tác, hội nhập quốc tế, trở thành công dân toàn cầu của thế kỷ XXI.

3. Mục tiêu môn Địa lí lớp 12 - THPT không chỉ cung cấp cho học sinh những kiến thức về địa lí tự nhiên, kinh tế xã hội của Việt Nam mà còn hướng tới việc phát triển cho học sinh những năng lực cần thiết của người lao động trong thời đại kĩ thuật số, trang bị cho các em hành trang để làm chủ bản thân, làm chủ tri thức, sẵn sàng hợp tác, hội nhập quốc tế. Do đó, nhiệm vụ quan trọng của bộ môn phải đổi mới trên nhiều lĩnh vực, sao cho phát huy được được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học. Đồng thời giúp cho các em có thái độ hành vi đúng đắn trước các vấn đề đang đặt ra đối với đất nước và nhân loại.

4. Dạy học theo quan điểm sư phạm tương tác (SPTT) là một hướng tiếp cận dạy học hiện đại, tập trung vào người học, đặc biệt chú trọng tới mối quan hệ tương tác và tương hỗ giữa ba nhân tố người dạy, người học và môi trường. Sự tham gia đa dạng của ba tác nhân là nguồn lực của các quan hệ năng động giữa chúng, yếu tố đặc trưng nhất của sư phạm tương tác. Với vai trò chủ đạo, người dạy có thể kiểm soát được quá trình dạy học, những tác động đồng bộ tương hỗ tới người học và môi trường sẽ mang lại hiệu quả cao cho quá trình dạy học. Với vai trò chủ động, người học phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong tương tác với thầy và bạn, tận dụng môi trường học tập thuận lợi để nắm vững tri thức, hình thành kỹ năng, phát triển năng lực. Mặt khác môi trường dạy học được tổ chức tốt sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới người dạy, người học và hiệu quả dạy học.

5. Tổ chức dạy học theo quan điểm SPTT đã mang lại hiệu quả cao và được phát triển khá phổ biến ở các nước tiên tiến trên thế giới. Tuy nhiên, ở Việt Nam việc nghiên

cứu ứng dụng quan điểm dạy học này mới được tiến hành trong những năm gần đây, và chủ yếu vận dụng vào tổ chức dạy học ở đại học, còn qua các môn học ở cấp THPT hầu như chưa được chú ý tới, nhất là đối với môn Địa lí. Do vậy, trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, việc nghiên cứu vận dụng quan điểm SPTT trong dạy học Địa lí là rất cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp và nâng cao chất lượng dạy học ở trường THPT trong giai đoạn mới.

Xuất phát từ những lí do nêu trên, nghiên cứu sinh (NCS) đã chọn đề tài nghiên cứu ***"Tổ chức dạy học Địa lí 12 ở trường Trung học phổ thông theo quan điểm sư phạm tương tác"*** cho luận án tiến sĩ.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Đề xuất quy trình và biện pháp tổ chức dạy học Địa lí 12 ở trường THPT theo quan điểm sư phạm tương tác nhằm khai thác có hiệu quả mối quan hệ tương tác giữa người học, người dạy và môi trường, phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo, phát triển năng lực của học sinh trong học tập, góp phần đổi mới phương pháp và nâng cao chất lượng dạy học địa lí ở trường THPT.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lí luận và thực tiễn của việc tổ chức dạy học Địa lí 12 ở trường THPT theo quan điểm sư phạm tương tác.
- Xác định nguyên tắc và yêu cầu đối với việc tổ chức dạy học Địa lí 12 ở trường THPT theo quan điểm sư phạm tương tác.
- Xây dựng quy trình tổ chức dạy học Địa lí 12 ở trường THPT theo quan điểm sư phạm tương tác.
- Đề xuất biện pháp tổ chức dạy học Địa lí 12 ở trường THPT theo quan điểm sư phạm tương tác.
- Thiết kế và tổ chức dạy học một số bài học Địa lí 12 ở trường THPT theo quan điểm sư phạm tương tác.
- Tổ chức thực nghiệm một số bài học Địa lí 12 tại một số trường THPT nhằm kiểm chứng tính hiệu quả và khả thi của đề tài nghiên cứu.
- Đưa ra kết luận và khuyến nghị đối với việc tổ chức dạy học Địa lí 12 ở trường THPT theo quan điểm sư phạm tương tác.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu quy trình và biện pháp tổ chức dạy học Địa lí 12 ở trường THPT theo quan điểm sư phạm tương tác.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Đề tài tập trung nghiên cứu quy trình và các biện pháp tiêu biểu đối với việc tổ chức dạy học Địa lí 12 (chương trình cơ bản) THPT theo quan điểm sư phạm tương tác.
- Đối tượng thực nghiệm là học sinh lớp 12 - THPT.

- Địa điểm tổ chức thực nghiệm ở một số trường THPT của các tỉnh, thành phố phía Bắc: TP Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Lạng Sơn.

4. Giả thuyết khoa học

Nếu vận dụng quy trình và biện pháp tổ chức dạy học Địa lí 12 ở trường THPT theo quan điểm sư phạm tương tác một cách hợp lí, đảm bảo nguyên tắc và yêu cầu sư phạm sẽ khai thác có hiệu quả mối quan hệ tương tác giữa người học, người dạy và môi trường, phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo, phát triển năng lực của học sinh, góp phần đổi mới phương pháp và nâng cao chất lượng dạy học Địa lí 12 ở trường THPT.

5. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

5.1. Trên thế giới

Dạy học theo quan điểm sư phạm tương tác đã được nghiên cứu và triển khai ở nhiều nước trên thế giới. Các nghiên cứu tập trung vào một số hướng chính sau:

- Những nghiên cứu về vai trò và mối quan hệ tương tác giữa các nhân tố của quá trình dạy học.
- Những nghiên cứu về cơ sở lí thuyết, phương pháp và kỹ thuật dạy học tương tác.
- Những nghiên cứu về ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học tương tác.

5.2. Ở Việt Nam

Ngay từ những năm 1960 của thế kỷ XX, Giáo dục và Đào tạo nước ta đã tiếp cận những quan điểm và phương pháp dạy học tiên tiến, hiện đại trên thế giới. Tuy nhiên, quan điểm SPTT mới được quan tâm nghiên cứu trong những năm gần đây.

- Những nghiên cứu về vai trò và mối quan hệ tương tác giữa các nhân tố của quá trình dạy học.
- Những nghiên cứu về cơ sở lí thuyết, phương pháp và kỹ thuật dạy học tương tác
- Trong các công trình nghiên cứu về dạy học Địa lí.
- Những nghiên cứu về ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học tương tác.
- Những nghiên cứu ứng dụng SPTT trong dạy học của các luận án TS.

6. Quan điểm và phương pháp nghiên cứu

6.1. Quan điểm nghiên cứu

Luận án triển khai dựa trên cơ sở các quan điểm nghiên cứu cơ bản sau: Quan điểm hệ thống; Quan điểm dạy học lấy học sinh làm trung tâm; Quan điểm dạy học tích cực; Quan điểm sư phạm tương tác; Quan điểm công nghệ dạy học; Quan điểm dạy học theo định hướng phát triển năng lực.

6.2. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp nghiên cứu chủ yếu được sử dụng trong luận án: Phương pháp nghiên cứu phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp quan sát; Phương pháp điều tra, khảo sát; Phương pháp nghiên cứu trường hợp; Phương pháp chuyên gia; Phương pháp thực nghiệm sư phạm; Phương pháp thống kê toán học.

7. Những đóng góp mới của luận án

7.1. Về lí luận

- Góp phần làm sáng tỏ cơ sở lí luận của việc tổ chức dạy học Địa lí 12 ở trường THPT theo quan điểm sư phạm tương tác.

- Đề ra nguyên tắc và yêu cầu đối với việc tổ chức dạy học Địa lí 12 ở trường THPT theo quan điểm sư phạm tương tác.

- Xây dựng được quy trình tổ chức dạy học Địa lí 12 ở trường THPT theo quan điểm sư phạm tương tác.

- Đề xuất được các biện pháp tổ chức dạy học Địa lí 12 theo quan điểm sư phạm tương tác một cách hợp lí, hiệu quả.

- Đã thiết kế và tổ chức dạy học một số bài học Địa lí 12 ở trường THPT theo quan điểm sư phạm tương tác.

7.2. Về thực tiễn

- Đã điều tra, khảo sát, đánh giá được thực trạng tổ chức dạy học Địa lí 12 ở trường THPT theo quan điểm sư phạm tương tác.

- Đã kiểm chứng được tính khả thi và hiệu quả của đề tài nghiên cứu qua thực nghiệm sư phạm ở trường THPT.

- Khẳng định được ưu thế của dạy học theo quan điểm SPTT trong việc phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, phát triển năng lực của học sinh .

8. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và khuyến nghị, tài liệu tham khảo và phần phụ lục, nội dung luận án gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lí luận và thực tiễn của việc tổ chức dạy học Địa lí 12 ở trường THPT theo quan điểm sư phạm tương tác.

Chương 2: Quy trình và biện pháp tổ chức dạy học Địa lí 12 ở trường THPT theo quan điểm sư phạm tương tác.

Chương 3: Thực nghiệm sư phạm.

Chương 1. CƠ SỞ LÍ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC TỔ CHỨC DẠY HỌC ĐỊA LÍ 12 Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THEO QUAN ĐIỂM SƯ PHẠM TƯƠNG TÁC

1.1. Những vấn đề chung về đổi mới giáo dục phổ thông

1.1.1. Định hướng đổi mới chương trình giáo dục phổ thông

Giáo dục phổ thông đang thực hiện chuyển từ chương trình định hướng nội dung sang chương trình định hướng năng lực. Chương trình dạy học định hướng năng lực không quy định những nội dung dạy học chi tiết mà quy định những kết quả đầu ra mong muốn của quá trình đào tạo, trên cơ sở đó đưa ra những hướng dẫn chung về việc lựa chọn nội dung, phương pháp, tổ chức và đánh giá kết quả dạy học nhằm đảm bảo thực hiện được mục tiêu dạy học, tức là đạt được kết quả đầu ra mong muốn.

1.1.2. Định hướng đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá ở trường phổ thông

- Đổi mới phương pháp dạy học nhằm chú trọng phát triển năng lực của học sinh
- Một số biện pháp đổi mới phương pháp dạy học
- Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

1.2. Nội dung cơ bản về sư phạm tương tác

1.2.1. Khái niệm tương tác và sư phạm tương tác

- *Khái niệm tương tác*

Tương tác là sự tác động qua lại trực tiếp giữa người học với người dạy và giữa người học với nhau trong môi trường giáo dục nhằm thực hiện các nhiệm vụ học tập, các mục tiêu dạy học đã xác định.

- *Khái niệm sư phạm tương tác*

Sư phạm tương tác là một hướng tiếp cận dạy học hiện đại tập trung vào người học dựa trên các tương tác qua lại giữa ba nhân tố cơ bản là người học, người dạy và môi trường. Sư phạm tương tác xác định rõ vai trò của các tác nhân, các thao tác và các tương tác giữa chúng làm gia tăng giá trị các tương tác trong quá trình dạy học.

1.2.2. Cơ sở khoa học của sư phạm tương tác

1.2.2.1. Cơ sở sinh học của hoạt động học tập

Vận dụng bộ máy học vào quá trình dạy học đối với cả người dạy và người học để có cách xử lí phù hợp với hoạt động của hệ thần kinh sẽ đem lại hiệu quả trong dạy học. Các giác quan có vai trò quan trọng trong quá trình nhận thức của con người, cần kích hoạt ở cả người học và người dạy để hoạt động tốt nhất cho mục đích học tập.

1.2.2.2. Cơ sở tâm lý học của hoạt động học tập

a. Hoạt động học tập là hoạt động trực tiếp hướng vào việc lĩnh hội tri thức, hình thành kĩ năng, kĩ xảo, từ đó làm biến đổi bản thân chủ thể hoạt động đó. Chủ thể hoạt động học là người học có nhiệm vụ chiếm lĩnh tri thức, kĩ năng, kĩ xảo, từ đó hình thành khả năng sáng tạo và phát triển trí tuệ cho bản thân.

b. Chiến lược học tập là những phương thức mang tính phức hợp, với mức độ tổng thể khác nhau, có hay không có ý thức nhằm đạt được mục đích học tập đề ra. (J. Lompscher, 1996). Trong đó có chiến lược học tập nhận thức, chiến lược học tập siêu nhận thức và chiến lược sử dụng nguồn lực bên trong và bên ngoài.

c. Các lí thuyết học tập

- *Thuyết nhận thức (Cognitivism):* Thuyết nhận thức nghiên cứu quá trình nhận thức bên trong với tư cách là một quá trình xử lí thông tin. Vận dụng thuyết nhận thức trong dạy học tương tác nhằm tối ưu hoá quá trình dạy học, phát triển khả năng nhận thức của HS, đặc biệt là phát triển tư duy. Các phương pháp dạy học được đặc biệt chú ý là dạy học giải quyết vấn đề, dạy học định hướng hành động, dạy học khám phá, dạy học hợp tác theo nhóm.

- *Thuyết nhận thức xã hội:* Lý thuyết nhận thức xã hội (SCT) đề cập đến mô hình hành vi tâm lý xuất hiện chủ yếu từ tác phẩm của *Albert Bandura (1977; 1986).* Vận dụng điểm mạnh của thuyết nhận thức xã hội *trong dạy học tương tác* trên lớp học là nó cung cấp một nền tảng rõ ràng cho các can thiệp vào lớp học được thiết kế để cải thiện việc học của học sinh.

- *Thuyết văn hoá xã hội:* Lý thuyết này cho thấy sự tương tác xã hội dẫn đến step-by-step thay đổi liên tục trong tư tưởng và hành vi của trẻ có thể khác nhau rất nhiều từ nền văn hóa. Theo định nghĩa của Vygotsky cho thấy không chỉ sự tương tác giữa các cá nhân giữa học sinh và giáo viên hoặc học sinh và bạn bè mà còn cả những ảnh hưởng văn hoá xã hội và lịch sử rộng lớn hơn đối với việc học và môi trường học tập.

- *Thuyết kiến tạo:* Theo thuyết kiến tạo, mỗi người học là một quá trình kiến tạo tích cực, tự phản ánh thế giới theo kinh nghiệm riêng của mình. Vận dụng thuyết kiến tạo trong dạy học tương tác, sẽ phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo, phát triển năng lực của HS trong học tập. Vai trò của giáo viên không còn là người truyền thụ tri thức mà là người tổ chức môi trường học tập mang tính kiến tạo. *Môi trường học tập ở đây là môi trường tương tác, học sinh tự lực lĩnh hội tri thức thông qua tương tác với nội dung học tập và tương tác xã hội giữa HS trong quá trình học tập.*

- *Thuyết đa trí tuệ:* Theo lý thuyết của Gardner trí thông minh bao gồm khả năng tạo ra và giải quyết các vấn đề tạo ra sản phẩm hoặc cung cấp các dịch vụ được đánh giá cao trong một nền văn hoá hoặc xã hội. Vận dụng thuyết đa trí tuệ của Gardner vào tổ chức dạy học tương tác sẽ phát huy được trí thông minh của mỗi HS ở các mức độ khác nhau, huy động sự làm việc của cả hai bán cầu đại não của HS trong quá trình học tập.

1.2.3. Các yếu tố của sư phạm tương tác

1.2.3.1. Các tác nhân

Cấu trúc của "Sư phạm tương tác" là xem xét cơ chế tương tác trong mối quan hệ tam giác: Người học - Người dạy - Môi trường. Các nhân tố này tác động qua lại với nhau, tương tác và hỗ trợ nhau nhằm đạt mục đích học tập đề ra.

1.2.3.2. Các thao tác

Các thao tác bao gồm: phương pháp học, phương pháp sư phạm và ảnh hưởng của môi trường xung quanh đến người dạy và người học.

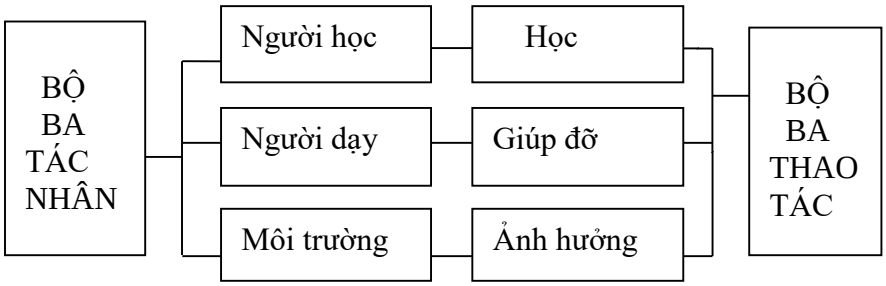

Hình 1.3. Bộ ba tác nhân và thao tác của chúng

1.2.3.3. Các tương tác

Có thể biểu diễn mối quan hệ tương hỗ này bằng sơ đồ tam giác hoạt động tương tác như sau:

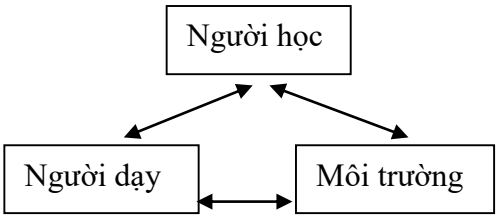

Hình 1.4. Các tương tác và các tương hỗ của chúng

- Tương tác giữa Người dạy - Người học
- Tương tác giữa Người học - Người học
- Tương tác giữa Người dạy - Người học - Môi trường

Trong đó, mối quan hệ tương hỗ giữa Người học - Người học, đặc biệt quan trọng.

1.2.4. Đặc trưng cơ bản của sư phạm tương tác

- Đề cao vai trò của người học, người dạy, môi trường giáo dục
- Sư phạm tương tác thực hiện theo ba nguyên lí cơ bản
- Nhấn mạnh tác động tương tác giữa người học, người dạy và môi trường.
- So sánh dạy học truyền thống và dạy học tương tác.

1.3. Đặc điểm tâm sinh lí và khả năng nhận thức của học sinh lớp 12 -THPT

1.3.1. Đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi học sinh lớp 12 - THPT

Đây là thời kỳ diễn ra những thay đổi quan trọng về tâm sinh lí lứa tuổi của học sinh. Các em đã trưởng thành và đang đạt đến sự hoàn thiện về mặt thể chất. Các em biết quan tâm đến nhau hơn, tự tin hơn, quan tâm nhiều đến những vấn đề của cuộc sống và đã có những định hướng cho tương lai của bản thân. Nhu cầu được thể hiện chính kiến, cái tôi của bản thân khá rõ nét. Do vậy, các em mong muốn được giao tiếp, trao đổi và đóng góp ý kiến tăng lên. Các em muốn mình được nhìn nhận và đánh giá như một thành viên trưởng thành trong xã hội.

1.3.2. Đặc điểm nhận thức của học sinh lớp 12 - THPT

1.4. Mục tiêu, nội dung chương trình Địa lí 12 - THPT

1.4.1. Mục tiêu chương trình Địa lí 12 - THPT

- Về kiến thức: Học xong chương trình Địa lí lớp 12, học sinh cần hiểu được các đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, dân cư, kinh tế và một số vấn đề đang được đặt ra nhằm sử dụng hợp lí tự nhiên, giảm thiểu hậu quả của thiên tai, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội của cả nước cũng như các vùng lãnh thổ, địa phương nơi học sinh đang sống.

- Về kĩ năng: Củng cố và phát triển các kĩ năng địa lí nhằm phát triển hơn nữa tư duy địa lí, đó là tư duy tổng hợp, tư duy lãnh thổ, có liên hệ thường xuyên với đời sống và sản xuất.

- Về thái độ, tình cảm: Học sinh thêm yêu quê hương, đất nước, tinh thần tự cường dân tộc và niềm tin vào tương lai của dân tộc, củng cố cho học sinh thế giới quan khoa học, nhân sinh quan đúng đắn, tinh thần trách nhiệm trong bảo vệ môi trường, xây dựng kinh tế - xã hội ở địa phương.

1.4.2. Cấu trúc, nội dung chương trình Địa lí 12 - THPT

Chương trình có các phần chủ yếu: Việt Nam trên đường đổi mới và hội nhập; Địa lí tự nhiên; Địa lí kinh tế; Địa lí địa phương; Ôn tập và kiểm tra.

1.4.3. Khả năng tổ chức dạy học tương tác qua chương trình Địa lí 12 - THPT

- Mục tiêu chương trình Địa lí 12 - THPT tạo cơ sở cho việc tổ chức tương tác có hiệu quả.

- Đặc trưng thực tiễn của Việt Nam trong nội dung chương trình Địa lí 12 - THPT đáp ứng cao nhất yêu cầu của tổ chức dạy học tương tác.

- Chương trình và nội dung Địa lí 12 tạo điều kiện để tổ chức dạy học tương tác có hiệu quả.

- Nội dung địa lí địa phương là "mảnh đất tốt tươi" tạo nên tính tương tác trong quá trình dạy học.

1.5. Thực trạng của việc tổ chức dạy học Địa lí 12 theo quan điểm sư phạm tương tác ở trường THPT

1.5.1. Mục đích, đối tượng, phương pháp, nội dung nghiên cứu thực trạng

1.5.1.1. Mục đích nghiên cứu thực trạng

Tổ chức dạy học theo quan điểm SPTT mới được tiến hành trong những năm gần đây ở Việt Nam. Do vậy, việc vận dụng quan điểm SPTT trong dạy học ở phổ thông hiện nay như thế nào sẽ được phản ánh qua việc người giáo viên nhận thức về nó đúng đắn hay không? Thực tế họ đã vận dụng nó như thế nào? Trong quá trình vận dụng quan điểm dạy học này, họ đã gặp phải những khó khăn gì?...

1.5.1.2. Đối tượng khảo sát

Đối tượng điều tra, khảo sát là một số cán bộ quản lí giáo dục và các giáo viên đang trực tiếp giảng dạy và học sinh ở các trường THPT trên địa bàn TP Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Lạng Sơn.

1.5.1.3. Nội dung khảo sát

Nội dung điều tra, tìm hiểu về:

- Nhận thức của giáo viên (GV) về SPTT, về tầm quan trọng của các mối quan hệ tương tác qua lại giữa các nhân tố trong quá trình dạy học.

- Những phương pháp, kỹ thuật, phương tiện dạy học, ICT... GV thường sử dụng để tổ chức dạy học tương tác.

- Khảo sát về khả năng và nhu cầu học tập của học sinh (HS) lớp 12.

- Khảo sát những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của học sinh

- Thực trạng việc tổ chức dạy học Địa lí 12 ở trường THPT theo quan điểm sư phạm tương tác.

1.5.1.4. Phương pháp khảo sát

Tác giả luận án đã tiến hành khảo sát bằng phiếu anket. Nội dung điều tra được thể hiện dưới dạng câu hỏi. Mỗi GV được gửi đến một phiếu điều tra để nghiên cứu và trả lời vào phiếu hỏi. Những kết quả phản hồi qua phiếu điều tra sẽ được xử lí và thống kê bằng phương pháp thống kê toán học.

1.5.2. Kết quả nghiên cứu thực trạng tổ chức dạy học Địa lí 12 theo quan điểm sư phạm tương tác ở trường THPT

1.5.2.1. Về phía giáo viên

- Nhận thức của GV về tổ chức dạy học Địa lí theo quan điểm sư phạm tương tác ở trường THPT
- Việc vận dụng phương pháp và kĩ thuật vào tổ chức dạy học Địa lí 12 theo quan điểm sư phạm tương tác ở trường THPT

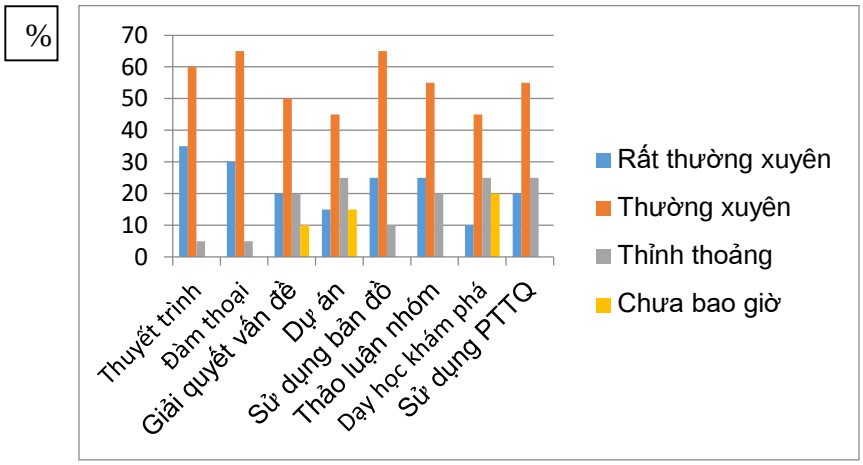

Hình 1.6. Tần suất sử dụng các phương pháp trong dạy học Địa lí 12

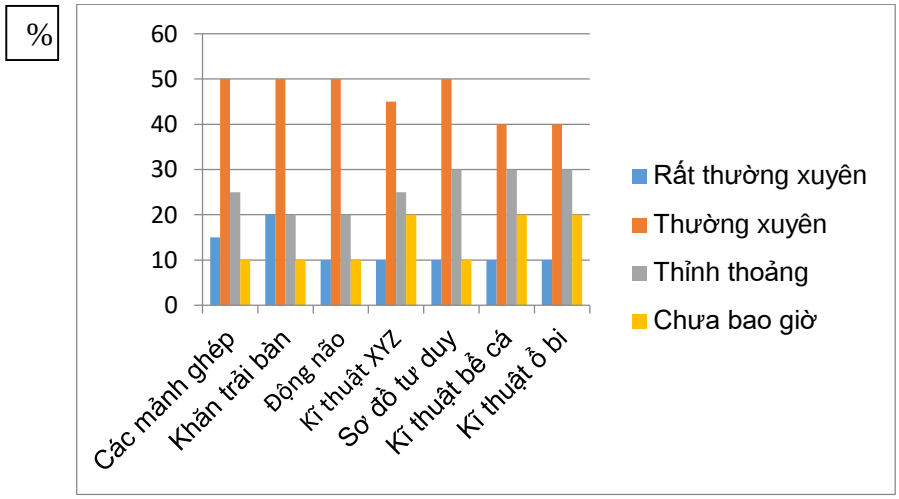

Hình 1.7. Tần suất sử dụng các kĩ thuật trong dạy học Địa lí 12

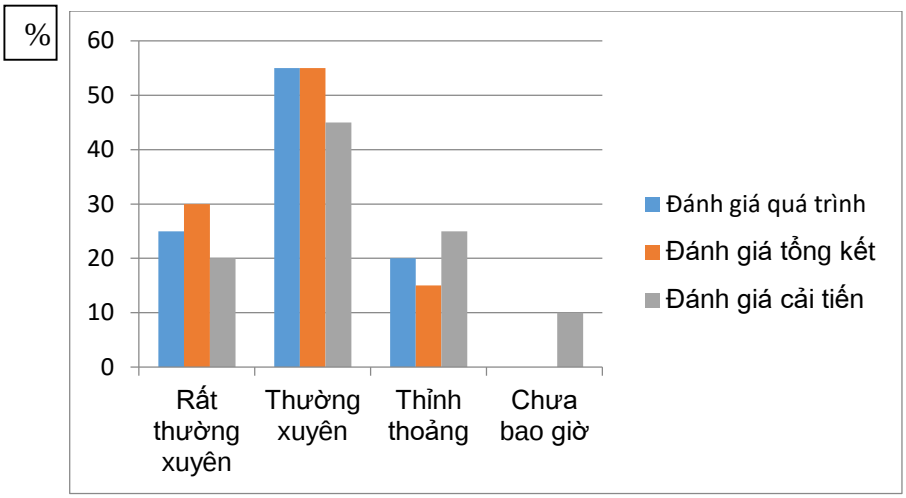

Hình1.8. Tần suất sử dụng hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS

1.5.2.2. Về phía học sinh

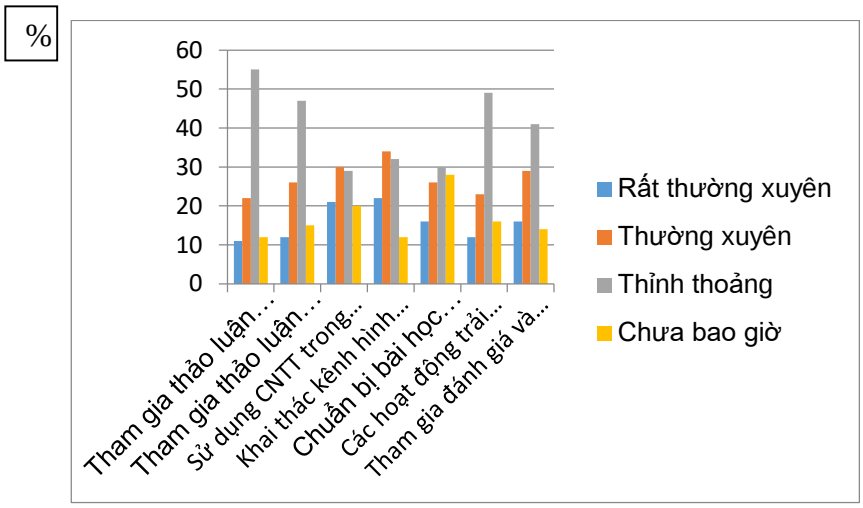

Hình 1.9. Tần suất tham gia các hoạt động học tập của học sinh

1.5.2.3. Nguyên nhân của thực trạng

Chương 2. QUY TRÌNH VÀ BIỆN PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC ĐỊA LÍ 12 Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THEO QUAN ĐIỂM SƯ PHẠM TƯƠNG TÁC

2.1. Nguyên tắc và yêu cầu tổ chức dạy học Địa lí 12 ở trường THPT theo quan điểm sư phạm tương tác

2.1.1. Nguyên tắc tổ chức dạy học Địa lí 12 ở trường THPT theo quan điểm sư phạm tương tác

2.1.1.1. Đảm bảo mục tiêu môn học Địa lí 12 - THPT

2.1.1.2. Đảm bảo quá trình dạy học Địa lí 12 hướng "tập trung vào người học, mọi người học đều được hoạt động và đều được tương tác"

2.1.1.3. Đảm bảo tính khoa học và tính sư phạm

2.1.1.4. Đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ của các biện pháp tác động đến quá trình dạy học tương tác trong môn Địa lí 12

2.1.1.5. Đảm bảo tính hiệu quả và khả thi của các biện pháp

2.1.2. Yêu cầu đối với việc tổ chức dạy học Địa lí 12 theo quan điểm sư phạm tương tác

2.1.2.1. Tổ chức dạy học Địa lí 12 theo quan điểm sư phạm tương tác phải tạo được bầu không khí sôi nổi, hứng thú tham gia của người học

2.1.2.2. Tổ chức dạy học Địa lí 12 theo quan điểm sư phạm tương tác phải đáp ứng nhu cầu, lợi ích học tập, phát huy được tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo và phát triển năng lực của học sinh.

2.1.2.3. Tổ chức dạy học Địa lí 12 theo quan điểm sư phạm tương tác phải phát huy được hiệu quả của các mối quan hệ tương tác giữa người học, người dạy và môi trường.

2.1.2.4. Tổ chức dạy học Địa lí 12 theo quan điểm sư phạm tương tác phải xây dựng được môi trường học tập an toàn, thân thiện.

2.2. Quy trình tổ chức dạy học Địa lí 12 theo quan điểm sư phạm tương tác

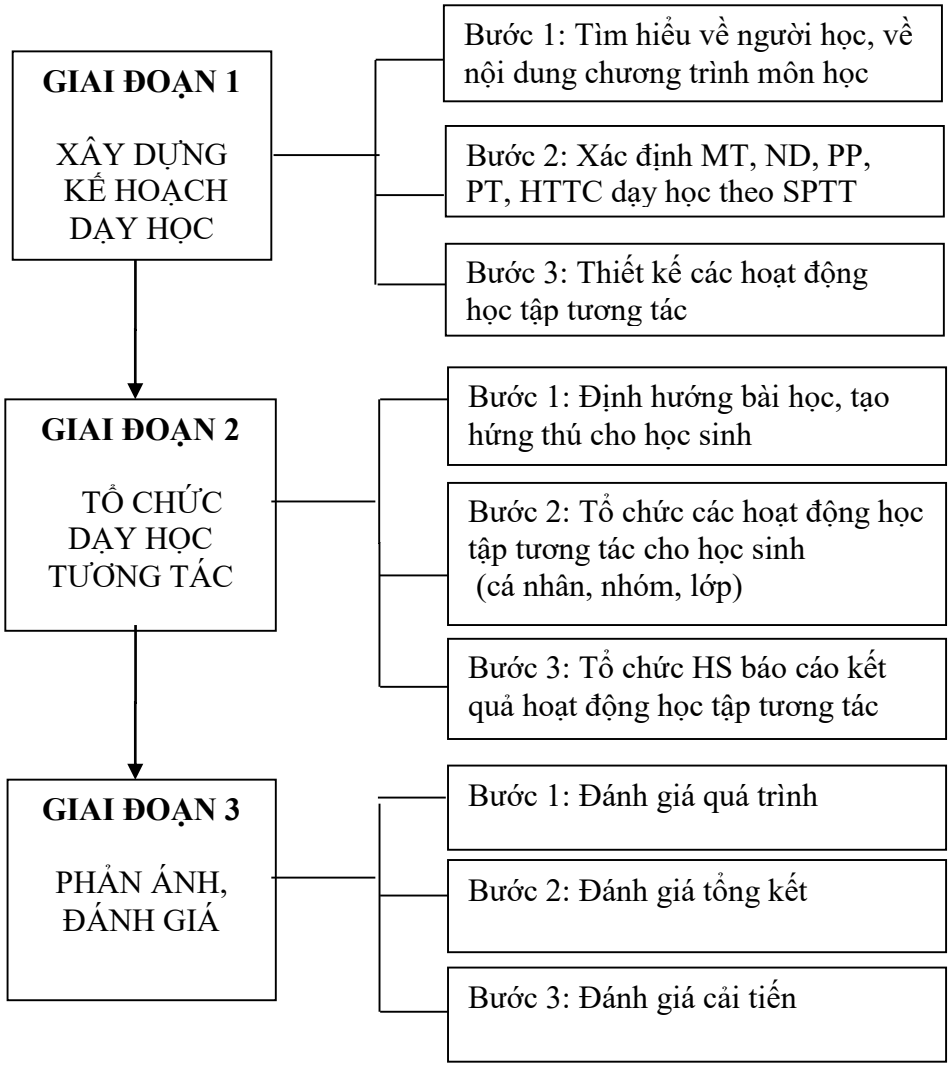

Hình 2.1. Quy trình tổ chức dạy học Địa lí 12 theo quan điểm sư phạm tương tác

2.2.1. Giai đoạn 1: Xây dựng kế hoạch bài học

Xây dựng kế hoạch bài học là một khâu rất quan trọng trong quá trình dạy học. Khâu này đòi hỏi người dạy phải chuẩn bị chu đáo trước khi lên lớp, có như vậy quá trình dạy học mới đem lại hiệu quả cao. Vận dụng quan điểm SPTT vào xây dựng kế hoạch bài học chính là việc xác định mục tiêu, nội dung nào của bài học có thể tổ chức các hình thức dạy học phù hợp, tương tác tốt nhất và việc vận dụng quy trình DHTT đạt hiệu quả cao.

Bước 1: Tìm hiểu về người học, chương trình môn học

Trước khi xây dựng và thực hiện kế hoạch bài học, GV cần thông qua việc tìm hiểu về hoàn cảnh gia đình, học lực,... của HS lớp mình sẽ giảng dạy. Trên cơ sở hiểu biết về người học, GV xác định được mục tiêu từng bài học phù hợp với chương trình đề ra và phù hợp với trình độ, phong cách học của HS trong lớp, cũng như xây dựng một môi trường học tập thuận lợi cho người học. Trong những trường hợp và điều kiện cho phép, GV nên tổ chức kiểm tra để đánh giá, xác nhận về HS trước khi lập kế hoạch bài học mới.

Tìm hiểu kỹ mục tiêu, nội dung chương trình môn học, bài học và chuẩn kiến thức kĩ năng để trên cơ sở đó hình thành ý tưởng tổ chức các hoạt động học tập.

Áp dụng công thức CIA (Content, Idea, Activities) và công thức EDUCARE? (Explanation, Doing detail, Use, Check and corrct, Aids memoire, Review and reuse, Evaluation, ?) để thiết kế bài dạy.

Bước 2: Xác định mục tiêu, nội dung bài học, lựa chọn các phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học phù hợp để tổ chức các hoạt động học tập của HS.

Trong quá trình xây dựng kế hoạch bài học, GV phải dựa vào: nội dung chương trình và SGK, sách GV, trình độ của HS trong lớp, điều kiện dạy học hiện có để:

- Xác định mục tiêu bài học về kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực cần đạt được.
- Xác định nội dung học tập và những kiến thức liên quan để tổ chức các hoạt động học tập hiệu quả.
- Xác định các phương pháp, phương tiện, hình thức dạy học có khả năng tổ chức các tương tác hiệu quả nhất.
- Dự kiến tiến trình dạy học, thời gian và cách thức tiếp cận nội dung dạy học.

Bước 3: Thiết kế các hoạt động học tập tương tác đáp ứng mục tiêu bài học

Dựa trên mục tiêu, nội dung bài học, giáo viên thiết kế các hoạt động học tập tương tác hợp lí, đa dạng các hình thức hoạt động nhằm phát huy tối đa tính tích cực, chủ động, sáng tạo, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết các nhiệm vụ học tập, hình thành phẩm chất và năng lực của học sinh. Trong mỗi hoạt động học tập được thể hiện rõ nội dung, cách thức tiến hành, các bước, phương tiện học tập... nhằm tăng cường sự tương tác giữa người học, người dạy và môi trường một cách hiệu quả.

2.2.2. Giai đoạn 2: Tổ chức dạy học tương tác

Bước 1: Định hướng bài học, tạo hứng thú cho học sinh

Mục đích là giúp học sinh huy động những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân có liên quan đến bài học mới, kích thích sự tò mò, mong muốn tìm hiểu bài mới, rèn luyện cho học sinh năng lực cảm nhận, hình thành những biểu tượng ban đầu về các khái niệm, sự hiểu biết, khả năng biểu đạt, tính toán, đề xuất chiến lược, năng lực tư duy, xác nhận nhiệm vụ học bài mới.

Bước 2: Tổ chức các hoạt động học tập tương tác cho học sinh

Mục đích của hoạt động là giúp HS tìm hiểu nội dung kiến thức của bài học, rèn luyện cho HS năng lực nhận biết về khái niệm khoa học; học sinh có được những kiến thức, kĩ năng, thái độ và phát triển năng lực đáp ứng mục tiêu của bài học.

Trong bước này thường diễn ra các hoạt động sau:

- Giáo viên giao nhiệm vụ học tập cho học sinh.
- Hoạt động học tập của học sinh (cá nhân, nhóm, cả lớp).
- Tổ chức cho học sinh báo cáo sản phẩm học tập.
- Đánh giá sản phẩm học tập.

Trong quá trình tổ chức các hoạt động học tập tương tác cho học sinh để đạt được mục tiêu bài học, cần phải chú ý đến sự tương tác giữa ba nhân tố (người dạy, người học, môi trường) và phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS trong các hoạt động học tập.

- Sự tương tác giữa ba nhân tố (người dạy, người học, môi trường).
- Kích thích tính tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác giữa các thành viên trong lớp, huy động kinh nghiệm của HS trong quá trình tiếp thu lĩnh hội tri thức.
- Tạo hứng thú bên trong; tạo hứng thú bên ngoài; tạo thử thách; tạo sự hợp tác.

Bước 3: Tổ chức HS báo cáo kết quả hoạt động học tập tương tác

Kết thúc hoạt động học tập theo nhóm, GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm học tập và trao đổi, đóng góp ý kiến với nhau, giáo viên có thể hướng dẫn HS bổ sung, chỉnh sửa hoàn thiện sản phẩm học tập.

2.2.3. Giai đoạn 3: Phản ánh, đánh giá kết quả học tập

Bước 1: Đánh giá quá trình

Đánh giá quá trình, sự tiến bộ của HS qua các hoạt động học tập được phản hồi thường xuyên nhằm duy trì sự tiến bộ trong học tập. Đồng thời giáo viên có căn cứ để điều chỉnh cách dạy, cách học và kế hoạch, chương trình giáo dục.

Bước 2: Đánh giá định kỳ/ tổng kết

Là đánh giá kết quả học tập của HS thông qua hình thức kiểm tra, thi cử nhằm xem xét kết quả học tập của HS sau một giai đoạn nhất định theo quy định chung (sau một học kỳ, một năm học, một cấp học). Ngoài ra, cũng giống như các dạng đánh giá khác, qua đánh giá tổng kết, các nhà sư phạm, các giáo viên có được các thông tin hữu ích để tiến hành xem xét, điều chỉnh (nếu cần) từ mục tiêu, nội dung, cho đến việc cải tiến, đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới cách kiểm tra, đánh giá theo định hướng

phát triển năng lực học sinh.

Bước 3: Đánh giá cải tiến

Đánh giá cải tiến được coi là khâu cuối để hoàn tất một chu trình dạy học nào đó (có thể là bài học, chương trình học hoặc thậm chí toàn bộ chương trình học), đồng thời định hướng cho những giá trị mới của chu trình dạy học tiếp theo.

Về tổng thể, đánh giá cải tiến chính là việc đánh giá lại *kế hoạch dạy học đã xây dựng và quá trình thực hiện kế hoạch đó* (một số tài liệu nước ngoài gọi là đánh giá phản hồi: *reflection*).

2.3. Các biện pháp tổ chức dạy học Địa lí 12 ở trường THPT theo quan điểm sư phạm tương tác

2.3.1. Sử dụng đa dạng và hiệu quả các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học Địa lí 12

2.3.1.1. Sử dụng đa dạng và hiệu quả một số phương pháp dạy học tích cực

a. Phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm

Mục tiêu của phương pháp: Tổ chức học sinh học tập theo nhóm không chỉ phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo trong hoạt động nhận thức của học sinh, tạo điều kiện để mọi người cùng tham gia, tìm kiếm các giải pháp, phát triển các kế hoạch hành động, phân tích thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau, chuẩn bị cho phân công lao động hợp tác trong cộng đồng mà còn qua cách học này nhiều kỹ năng, năng lực cũng được hình thành và phát triển như: năng lực giao tiếp; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực hợp tác; phát triển kỹ năng đánh giá có phê phán; kỹ năng nói, diễn đạt; kỹ năng tập hợp ghi chép tư liệu; kỹ năng báo cáo v.v...

Cách thức thực hiện:

Bước 1: Làm việc chung cả lớp: Giáo viên nêu vấn đề, xác định nhiệm vụ nhận thức cho học sinh; tổ chức chia nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm học sinh; hướng dẫn cách làm việc của nhóm.

Bước 2: Làm việc theo nhóm: Trao đổi thảo luận trong nhóm; phân công nhiệm vụ trong nhóm, cá nhân làm việc độc lập rồi trao đổi thảo luận trong nhóm; cử đại diện sẽ trình bày kết quả làm việc của nhóm.

Bước 3: Thảo luận tổng kết trước lớp: Các nhóm lần lượt (hoặc đại diện một, hai nhóm) báo cáo kết quả thảo luận của nhóm; thảo luận chung cả lớp; giáo viên tổng kết, đánh giá thảo luận, đặt vấn đề cho bài học tiếp theo hoặc vấn đề tiếp theo.

b. Phương pháp dạy học theo dự án

Mục tiêu của dạy học theo dự án:

Dạy học theo dự án nhằm phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo và phát triển năng lực hợp tác, năng lực giải quyết các vấn đề phức hợp trong học tập của học sinh, góp phần gắn lí thuyết với thực hành, tư duy và hành động, nhà trường và xã hội.

Cách thức thực hiện:

Tiến trình dạy học theo dự án có thể theo 5 giai đoạn: Xác định chủ đề và mục

tiêu của dự án; xây dựng kế hoạch thực hiện dự án; thực hiện dự án; trình bày sản phẩm dự án; đánh giá dự án.

c. Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề

Mục tiêu của phương pháp là giúp học sinh chịu trách nhiệm về việc học tập của bản thân; phát triển các kỹ năng viết và trình bày nói; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và ra quyết định.

Cách thức thực hiện:

- Đặt vấn đề, xây dựng bài toán nhận thức: Tạo tình huống có vấn đề, phát hiện và nhận dạng vấn đề nảy sinh, phát biểu vấn đề cần giải quyết.

- Giải quyết vấn đề đặt ra: Đề xuất các giả thuyết, lập kế hoạch giải quyết vấn đề, thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề.

- Kết luận: Thảo luận kết quả và đánh giá, khẳng định hay bác bỏ giả thuyết đã nêu, phát biểu kết luận, đề xuất vấn đề mới.

d. Phương pháp sử dụng bản đồ

Mục tiêu của phương pháp:

- Học sinh biết vận dụng kiến thức và kỹ năng bản đồ cùng với kiến thức địa lí đã có vào khai thác những kiến thức địa lí ẩn tàng trên bản đồ để có được những kiến thức và kỹ năng địa lí mới trong quá trình học tập.

- Xác định được vị trí, đặc điểm của các đối tượng địa lí biểu hiện trên bản đồ.

- Biết kết hợp những kiến thức bản đồ với kiến thức địa lí sâu hơn để so sánh, phân tích và tìm ra được các mối quan hệ giữa các đối tượng địa lí, đặc biệt là các mối quan hệ nhân quả địa lí trên bản đồ để rút ra kiến thức và kết luận địa lí.

Cách thức thực hiện:

- Giáo viên giao nhiệm vụ học tập cho học sinh (nhóm hay cả lớp) thông qua câu hỏi hoặc nội dung vấn đề có liên quan đến bản đồ, HS phải làm việc với bản đồ mới có thể giải quyết được nhiệm vụ học tập một cách có hiệu quả. (ví dụ: nhận xét hướng chảy, đặc điểm, tính chất của sông Hồng trên bản đồ).

- Học sinh quan sát bản đồ giáo khoa treo tường, bản đồ trong SGK và trong tập Atlat Việt Nam để xác định, mô tả, nhận xét được đặc điểm, tính chất của các sự vật, đối tượng địa lí được biểu hiện trên bản đồ. (ví dụ: sông Hồng bắt nguồn từ miền núi Vân Nam Trung Quốc, chảy vào nước ta theo hướng Tây Bắc - Đông Nam và đổ ra vịnh Bắc Bộ. Sông có chiều dài là 1126 km, đoạn trung lưu và hạ lưu chảy qua nước ta dài 556 km, có lượng nước và lượng phù sa lớn...).

- Khi đọc bản đồ, HS phải biết kết hợp những kiến thức bản đồ với kiến thức địa lí sâu hơn để so sánh, phân tích tìm ra các mối liên hệ giữa các sự vật, đối tượng địa lí, nhất là các mối quan hệ nhân quả được thể hiện trên bản đồ để rút ra những nhận xét, kết luận địa lí mới ẩn tàng trên bản đồ.

e. Phương pháp dạy học khám phá

Mục tiêu của dạy học khám phá: Dạy học khám phá nhằm phát huy được tính

tích cực, chủ động, sáng tạo và phát triển năng lực tư duy, năng lực hợp tác, năng lực giải quyết các vấn đề phức hợp trong học tập của học sinh, góp phần gắn lí thuyết với thực hành, tư duy và hành động, nhà trường và xã hội.

Cách thức thực hiện: Quy trình ***5E*** là quy trình được áp dụng khá phổ biến khi vận dụng dạy học khám phá. ***5E*** là cách viết tắt của 5 bước tiến hành khám phá: Engage (tạo chú ý); Explore (khám phá); Explain (giải thích); Elaborate (Mở rộng thêm); Evalution (đánh giá).

2.3.1.2. Sử dụng hiệu quả một số kỹ thuật dạy học tích cực

Kỹ thuật khăn trải bàn; Kỹ thuật các mảnh ghép; Kỹ thuật XYZ; Kỹ thuật sử dụng Sơ đồ tư duy, Kỹ thuật động não...

2.3.2. Tăng cường sử dụng hiệu quả các phương tiện trực quan trong dạy học Địa lí 12

2.3.3. Tăng cường ứng dụng ICT trong dạy học Địa lí 12

2.3.4. Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

2.4. Thiết kế và tổ chức dạy học một số bài học trong Địa lí 12 theo quan điểm sư phạm tương tác

- Bài 14,15. Xây dựng thành chuyên đề: Sử dụng và bảo vệ tự nhiên
- Bài 16. Đặc điểm dân số và phân bố dân cư ở nước ta
- Bài 32. Vấn đề khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ

Chương 3. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

3.1. Mục đích và nhiệm vụ thực nghiệm

3.1.1. Mục đích thực nghiệm

Thực nghiệm sư phạm được xem là khâu cuối cùng của chu trình nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng: *Suy nghĩ - thử nghiệm - kiểm chứng*. Mục đích thực nghiệm sư phạm nhằm kiểm chứng tính khả thi và hiệu quả của việc tổ chức dạy học Địa lí 12 THPT theo quan điểm sư phạm tương tác. Đồng thời, góp phần làm sáng tỏ cơ sở lí luận, thực tiễn và giả thuyết khoa học của đề tài nghiên cứu.

3.1.2. Nhiệm vụ thực nghiệm

- *Xây dựng kế hoạch tổ chức thực nghiệm:* Xác định mục đích thực nghiệm; loại hình thực nghiệm; lựa chọn nội dung, phương pháp, đối tượng, địa bàn, thời gian thực nghiệm; thiết kế giáo án thực nghiệm; thiết kế các công cụ đo kết quả thực nghiệm.

- *Tổ chức thực nghiệm:*

TN ở 3 loại bài: 01 bài về địa lí tự nhiên, 01 bài về địa lí dân cư, 01 bài về địa lí kinh tế - xã hội, ở 4 trường THPT thuộc khu vực nông thôn, miền núi và thành phố.

- *Đánh giá kết quả thực nghiệm:* Mục đích của nhiệm vụ này là đánh giá tính khả thi và hiệu quả của việc tổ chức dạy học Địa lí 12 theo quan điểm sư phạm

tương tác. Trên cơ sở đó, đưa ra những kết luận và khuyến nghị để tiếp tục hoàn thiện và triển khai kết quả nghiên cứu đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay.

3.2. Nguyên tắc thực nghiệm

Thực nghiệm về tổ chức dạy học Địa lí 12 theo quan điểm sư phạm tương tác phải đảm bảo các nguyên tắc: *Đảm bảo tính khoa học, đảm bảo tính khách quan, đảm bảo tính thực tiễn.*

3.3. Phương pháp thực nghiệm

3.3.1. Lựa chọn phương pháp thực nghiệm

Để kiểm chứng tính khả thi và hiệu quả của đề tài nghiên cứu, tác giả luận án lựa chọn phương pháp thực nghiệm: Thiết kế kiểm tra trước và sau tác động với các nhóm tương đương. Thiết kế này sử dụng 2 nhóm nguyên vẹn (toàn bộ 2 lớp học sinh) có sự tương đương để làm nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng.

- Tiến hành thực nghiệm ở 2 nhóm trên được tổ chức dạy học theo truyền thống cho nhóm đối chứng và tổ chức dạy học tương tác cho nhóm thực nghiệm.

- Sau mỗi bài dạy thực nghiệm, tiến hành kiểm tra chất lượng học tập của học sinh ở cả 2 nhóm ĐC và TN một cách khách quan. Nội dung kiểm tra bao gồm kiểm tra cả phần kiến thức, kĩ năng, thái độ và năng lực của học sinh sau mỗi bài học.

3.3.2. Phương pháp đánh giá kết quả thực nghiệm

3.3.2.1. Đo lường và thu thập dữ liệu

- Xây dựng các công cụ để đo lường kết quả thực nghiệm (trước và sau tác động).
- Tiến hành đo lường và thu thập kết quả thực nghiệm: đo kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực, độ tin cậy và độ giá trị.
- Tiến hành xử lí, phân tích kết quả thực nghiệm: Sử dụng phép kiểm chứng

T-test độc lập để so sánh các giá trị trung bình của hai nhóm TN và ĐC và mức độ ảnh hưởng. Trong phép kiểm chứng T-test, thường tính giá trị P, trong đó: P là xác suất xảy ra ngẫu nhiên, thông thường hệ số P được quy định P < = 0,05 (Giá trị P được giải thích như sau: P < = 0,05 có ý nghĩa; P > 0,05 không có ý nghĩa).

- *Mô tả dữ liệu*

Hai cách chính để mô tả dữ liệu là *độ tập trung* và *độ phân tán*. Độ tập trung mô tả "trung tâm" của dữ liệu nằm ở đâu. Các tham số thống kê của độ tập trung là *Mốt, Trung vị và Giá trị trung bình.*

- Công thức tính trung bình cộng trong Excel:

$$\overline{X} = \frac{1}{n}\sum_{i=1}^{n} f_i x_i$$

Trong đó: $\overline{X}$: là giá trị trung bình cộng

n: là số học sinh

x_i: là giá trị điểm số

f_i: là tần xuất của x_i

- Độ lệch chuẩn S: Độ lệch chuẩn phản ánh sự sai lệch hay dao động, phân tán của các số liệu xung quanh giá trị trung bình cộng giữa hai nhóm thực nghiệm và đối chứng. Nhóm nào có độ lệch chuẩn nhỏ hơn thì nhóm đó có kết quả cao hơn.

Công thức tính độ lệch chuẩn Stdev (number 1, number 2…) trong Excel:

$$S = \sqrt{\frac{\sum f_i (x_i - \overline{X})^2}{n-1}}$$

Trong đó: S: là độ lệch chuẩn

x_i: là giá trị điểm số

$\overline{X}$: là giá trị trung bình cộng

n: là tổng số học sinh tham gia của mỗi nhóm

f_i: là tần số của x_i

- *Mức độ ảnh hưởng (ES)*

Mức độ ảnh hưởng cho biết độ lớn ảnh hưởng của tác động. Độ chênh lệch giá trị trung bình chuẩn (SMD) chính là công cụ đo mức độ ảnh hưởng. Công thức tính mức độ ảnh hưởng sử dụng độ chênh lệch giá trị trung bình chuẩn của Cohen (1998) được trình bày trong bảng dưới đây:

$$SMD = \frac{\text{Giá trị TB}_{\text{Nhóm thực nghiệm}} - \text{Giá trị TB}_{\text{Nhóm đối chứng}}}{\text{Độ lệch chuẩn}_{\text{Nhóm đối chứng}}}$$

3.3.2.2. Nhận xét, đánh giá kết quả thực nghiệm, rút ra kết luận về tính khả thi và hiệu quả của đề tài nghiên cứu.

- *Đánh giá mặt định lượng:* Sử dụng phương pháp thống kê toán học và các phần mềm Excel, SPSS để xử lí số liệu sau thực nghiệm.

- *Đánh giá mặt định tính:* Thông qua dự giờ, trao đổi với các đối tượng TN và thông qua bài làm của HS. Nhận xét về tinh thần, thái độ, ý thức học tập của học sinh qua kết quả xử lí các phiếu điều tra đối với HS và ý kiến đánh giá của GV.

3.4. Quy trình thực nghiệm

3.4.1. Chuẩn bị thực nghiệm

3.4.1.1. Chọn nội dung thực nghiệm

- Bài 14 và bài 15 (xây dựng thành chuyên đề*):* Sử dụng và bảo vệ tự nhiên
- Bài 16. Đặc điểm dân số và phân bố dân cư ở nước ta
- Bài 32. Vấn đề khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ

3.4.1.2.Chọn đối tượng thực nghiệm

3.4.1.3. Chọn địa bàn thực nghiệm:

Chọn 4 trường THPT để tiến hành thực nghiệm đại diện cho các trường ở thành phố, đồng bằng và miền núi. Cụ thể là:

1. Trường THPT Kim Thành, tỉnh Hải Dương

2. Trường THPT Trần Quốc Tuấn, thành phố Hà Nội

3. Trường THPT Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

4. Trường THPT Việt Bắc, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Trong mỗi trường chọn ra hai lớp, trong đó có một lớp đối chứng và một lớp thực nghiệm. Học sinh ở các lớp đối chứng và lớp thực nghiệm có sĩ số và trình độ tương đương nhau.

3.4.1.4.Thời gian thực nghiệm:

Tác giả luận án đã tiến hành điều tra khảo sát và thực nghiệm sư phạm trong các năm học: 2015-2016; 2016-2017.

3.4.2. Tổ chức thực nghiệm

Các GV ở mỗi trường thực nghiệm cùng dạy 3 bài ở cả lớp TN và lớp ĐC nhằm tạo thuận lợi cho việc so sánh kết quả thực nghiệm giữa các lớp TN và Lớp ĐC ở mỗi địa bàn thực nghiệm khác nhau.

- *Thực nghiệm 1*

Bài 14, 15 (Chuyên đề): Sử dụng và bảo vệ tự nhiên

- *Thực nghiệm 2*

Bài 16. Đặc điểm dân số và phân bố dân cư ở nước ta

- *Thực nghiệm 3*

Bài 32. Vấn đề khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ

3.4.3. Kết quả thực nghiệm

3.4.3.1. Ý thức, thái độ học sinh trong giờ dạy thực nghiệm

3.4.3.2. Tổng hợp kết quả kiểm tra sau 3 bài thực nghiệm ở 4 trường TN

Bảng 3.3. Tổng hợp kết quả kiểm tra sau thực nghiệm ở 4 trường

Trường Thực nghiệm	**Lớp**	**Sĩ số**	**Điểm kiểm tra**							$\overline{X}$
			4	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	
THPT Kim Thành Tỉnh Hải Dương	TN	43	0	0	3	6	12	19	3	8.3
	ĐC	42	2	3	9	10	8	9	1	7.1
THPT Trần Quốc Tuấn, Hà Nội	TN	40	0	1	2	6	10	17	4	8.3
	ĐC	40	2	4	8	13	6	6	1	7.0
THPT Khoái Châu Tỉnh Hưng Yên	TN	44	0	2	4	5	10	18	5	8,2
	ĐC	45	2	4	5	20	9	4	1	7,0
THPT Việt Bắc Tỉnh Lạng Sơn	TN	42	0	2	2	8	10	18	2	8,1
	ĐC	42	2	4	8	16	6	6	0	6,9
Tổng số	**TN**	**169**	**0**	**5**	**11**	**25**	**42**	**72**	**14**	**8,2**
	ĐC	**169**	**8**	**15**	**30**	**59**	**29**	**25**	**3**	**7,0**

Bảng 3.4. Tỉ lệ điểm kiểm tra sau 3 bài thực nghiệm ở trường THPT Kim Thành, Hải Dương

Trường	**Lớp**	**Sĩ số**	**Kết quả kiểm tra (%)**

Thực nghiệm			Giỏi	Khá	T.Bình	Yếu
THPT Kim Thành Tỉnh Hải Dương	TN	43	51,2	41,8	7,0	0,0
	ĐC	42	27,6	42,8	28,5	1,1

Bảng 3.6. Tỉ lệ điểm kiểm tra sau 3 bài thực nghiệm ở trường THPT Trần Quốc Tuấn, Hà Nội

Trường Thực nghiệm	Lớp	Sĩ số	Kết quả kiểm tra (%)			
			Giỏi	Khá	T.Bình	Yếu
THPT Trần Quốc Tuấn	TN	40	52,5	40,0	7,5	0,0
	ĐC	40	17,5	47,5	30,0	5,0

Bảng 3.8. Tỉ lệ điểm kiểm tra sau 3 bài thực nghiệm ở trường THPT Khoái Châu, Hưng Yên

Trường Thực nghiệm	Lớp	Sĩ số	Kết quả kiểm tra (%)			
			Giỏi	Khá	T.Bình	Yếu
THPT Khoái Châu Tỉnh Hưng Yên	TN	44	52,2	34,0	13,8	0,0
	ĐC	45	11,1	64,4	20,0	4,5

Bảng 3.10. Tỉ lệ điểm kiểm tra sau 3 bài thực nghiệm ở trường THPT Việt Bắc, Lạng Sơn

Trường Thực nghiệm	Lớp	Sĩ số	Kết quả kiểm tra (%)			
			Giỏi	Khá	T.Bình	Yếu
THPT Việt Bắc Tỉnh Lạng Sơn	TN	42	47,6	42,8	9,6	0,0
	ĐC	42	14,2	52,3	28,5	5,0

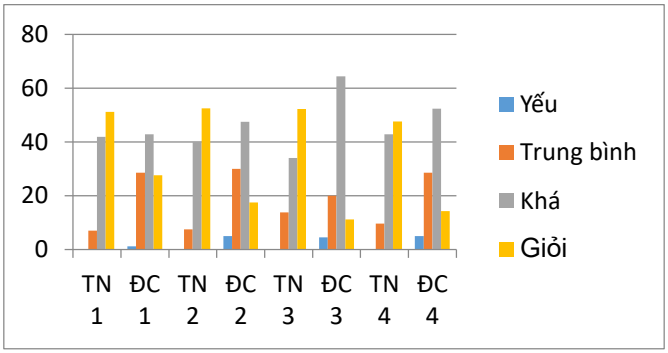

H. 3.5. So sánh kết quả giữa lớp TN và lớp ĐC ở 4 trường TN

Bảng 3.13. Tổng hợp tỉ lệ điểm kiểm tra sau 3 bài thực nghiệm ở 4 trường TN

Trường Thực nghiệm	Lớp	Sĩ số	Kết quả kiểm tra (%)			
			Giỏi	Khá	T.Bình	Yếu
Tổng số 4 trường	TN	169	50,3	39,6	9,5	0,6
	ĐC	169	16,5	52,0	26,6	4,9

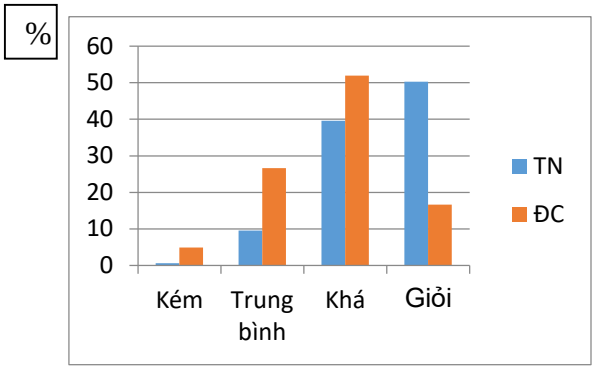

Hình 3.6. Thể hiện kết quả sau thực nghiệm ở 4 trường THPT

Bảng 3.14. Các tham số kiểm định kết quả sau thực nghiệm ở 4 trường THPT

Lớp	Min	Max	Trung bình	Mode	Độ lệch chuẩn
TN	5,0	10,0	8,2	9,0	0,84
ĐC	4,0	10,0	7,0	7,0	1,04

- Phân tích các giá trị thống kê ở bảng 3.2; 3.3; 3.12; 3.13; 3.14 cho thấy những điểm khác biệt giữa lớp TN và lớp ĐC về ý thức, thái độ và kết quả học tập của HS. Ở lớp TN số HS có hứng thú và rất hứng thú trong học tập tương tác (90,0%) cao hơn lớp ĐC (46,2%). Chất lượng học tập của lớp TN tốt hơn lớp ĐC, điểm trung bình (Mean) ($\overline{X}$) của lớp TN là (8,2) cao hơn lớp ĐC (7,0) trong đó, học sinh lớp TN đạt điểm khá giỏi chiếm (89,9%) cao hơn lớp ĐC (68,5%), HS đạt điểm trung bình ở lớp TN (9,5%) thấp hơn lớp ĐC (26,6%) và không có HS dưới trung bình.

Các giá trị thống kê ở bảng 3.13 cho thấy mức độ khác biệt giữa lớp TN và lớp ĐC. Điểm khác biệt nằm ở điểm tối thiểu của (lớp TN là 5,0, lớp ĐC là 4,0), điểm trung bình của (lớp TN là 8,2 lớp ĐC là 7,0), điểm số của lớp TN tập trung ở điểm 9.0, trong khi ở lớp ĐC học sinh đạt điểm 7,0 nhiều nhất. Sự khác biệt về điểm số (độ lệch chuẩn) của lớp TN là 0,84 thấp hơn lớp ĐC là 1,04.

- Tác giả luận án đã *sử dụng phép kiểm chứng T-test độc lập* để kiểm chứng sự chênh lệch về giá trị trung bình của hai nhóm thực nghiệm và đối chứng có xảy ra ngẫu nhiên hay không. Giá trị P = 0,031 < 0,05, như vậy giá trị P có ý nghĩa (chênh lệch không có khả năng xảy ra ngẫu nhiên).

Để đánh giá mức độ ảnh hưởng của DHTT đến kết quả học tập của lớp TN so với lớp ĐC có tính thực tiễn hoặc có ý nghĩa hay không, tác giả sử dụng công thức tính:

$$\textbf{SMD} = \frac{\text{Giá trị TB}_{\text{Nhóm TN}} - \text{Giá trị TB}_{\text{Nhóm ĐC}}}{\text{Độ lệch chuẩn}_{\text{Nhóm ĐC}}} = \frac{8,2 - 7,0}{1,04} = 1,15$$

Giá trị SMD = 1,15, mức độ ảnh hưởng là rất lớn.

3.4.4. Nhận xét chung về kết quả thực nghiệm

3.4.4.1.Nhận xét về mặt định tính

Qua quá trình thực nghiệm việc tổ chức dạy học tương tác trong môn Địa lí lớp 12 THPT chúng tôi nhận thấy ở các lớp thực nghiệm các em rất hứng thú, tích cực

tham gia các hoạt động học tập, các em đã có thể làm quen dần, hiểu và thực hiện tốt các quy trình học tập theo mô hình học tập tương tác, chủ động, tích cực trong các hoạt động nhận thức (cá nhân, nhóm, cả lớp). Sự tương tác giữa Thầy với Trò; Trò với Trò; giữa Thầy-Trò-Môi trường diễn ra trong giờ học rất sôi nổi, hiệu quả.

Việc dạy học địa lý bằng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tương tác có ý nghĩa hết sức quan trọng, làm cho chất lượng học tập của học sinh tăng lên đáng kể, cụ thể: tỉ lệ học sinh khá giỏi ở các lớp thực nghiệm cao hơn lớp đối chứng, tỷ lệ học sinh trung bình thì thấp hơn và không có học sinh yếu kém.

3.4.4.2. Nhận xét về mặt định lượng

- So sánh đối chiếu kết quả sau 3 bài thực nghiệm giữa lớp TN và lớp ĐC qua các bảng thống kê ở 4 thực nghiệm (từ bảng 3.2 đến bảng 3.14) cho thấy kết quả học tập giữa 2 lớp TN và ĐC có sự khác biệt. Cụ thể:

- Giá trị (Mode) là giá trị có tần suất xuất hiện nhiều nhất trong một dãy điểm số ở các lớp TN là (9,0) còn ở các lớp ĐC là (7,0).

- Điểm trung bình cộng (Mean) ($\overline{X}$) của các lớp TN luôn cao hơn các lớp ĐC.

- Tỉ lệ HS đạt điểm khá giỏi (từ 7 -10 điểm) của các lớp TN cao hơn tỉ lệ HS đạt điểm khá giỏi của các lớp ĐC và không có tỉ lệ học sinh đạt điểm yếu kém.

- Áp dụng phép kiểm chứng T-test độc lập ở 3 thực nghiệm cho thấy sự chênh lệch giữa giá trị trung bình của các lớp TN và ĐC đều có hệ số $P < 0,05$ là có ý nghĩa.

- Độ lệch chuẩn của các lớp TN luôn thấp hơn lớp đối chứng.

- Mức độ ảnh hưởng (ES) cho biết độ lớn ảnh hưởng của tác động. Độ chênh lệch giá trị trung bình chuẩn (SMD) của 3 bài thực nghiệm đối chiếu với các tiêu chí của ***Cohen*** thì đều có ảnh hưởng rất lớn (> 1,00).

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Qua quá trình nghiên cứu về tổ chức dạy học Địa lí 12 ở trường THPT theo quan điểm sư phạm tương tác, tác giả luận án rút ra một số kết luận sau:

1.1. Đổi mới giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực là một xu thế tất yếu khách quan đối với giáo dục phổ thông ở nước ta. Đổi mới giáo dục phổ thông nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng, phát triển năng lực của học sinh trong học tập, góp phần nâng cao chất lượng dạy học ở trường phổ thông.

1.2. Quan điểm sư phạm tương tác là một hướng tiếp cận dạy học hiện đại, tập trung vào người học, đặc biệt chú trọng tới mối quan hệ tương tác giữa ba nhân tố người dạy, người học và môi trường. Sự tham gia đa dạng của ba tác nhân là nguồn lực của các quan hệ năng động giữa chúng, yếu tố đặc trưng nhất của sư phạm tương tác. Với vai trò chủ đạo, người dạy có thể kiểm soát được quá trình dạy học, những tác động đồng bộ tương hỗ tới người học và môi trường sẽ mang lại hiệu quả cao cho quá trình dạy học.

1.3. Để tổ chức dạy học Địa lí theo quan điểm sư phạm tương tác có hiệu quả thì việc xây dựng một môi trường học tập tương tác có vai trò quan trọng trong quá trình dạy học. Người dạy cần phải sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, đổi mới phương pháp giáo dục trước đây, khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện nếp tư duy sáng tạo của người học, từng bước áp dụng các phương pháp tiên tiến hiện đại vào quá trình dạy học, hướng HS tới việc học tập chủ động, người học được độc lập khám phá, hợp tác, trao đổi, tiếp thu và xây dựng kiến thức từ đó hình thành kỹ năng trong các lĩnh vực khác nhau của cuộc sống.

1.4. Kết quả đạt được và những đóng góp mới của luận án:

- Làm sáng tỏ cơ sở lí luận về tổ chức dạy học Địa lí lớp 12 ở trường THPT theo quan điểm sư phạm tương tác. Tác giả luận án đã tiếp cận, làm sáng tỏ và áp dụng hiệu quả các quan điểm, phương pháp và kỹ thuật dạy học hiện đại trên thế giới và Việt Nam trong tổ chức dạy học tương tác, góp phần khẳng định dạy học tương tác phát huy được tính tích cực của người học trong dạy học Địa lí nói chung và dạy học Địa lí 12 nói riêng ở trường phổ thông.

- Với mục tiêu đề ra là nghiên cứu quy trình và biện pháp tổ chức dạy học Địa lí lớp 12 ở trường THPT theo quan điểm sư phạm tương tác. Tác giả đã xác định được những yêu cầu và nguyên tắc để tổ chức các hoạt động dạy học tương tác hiệu quả nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong học tập, góp phần đổi mới phương pháp và nâng cao chất lượng dạy học địa lí ở trường THPT. Nghiên cứu vai trò của dạy học tương tác trong dạy học Địa lí cùng với đặc điểm tâm sinh lí và khả năng tiếp thu của học sinh lớp 12. Trên cơ sở đó lựa chọn vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học phù hợp tăng cường tính tương tác trong giờ học làm cho lớp học sống động hơn, học sinh hứng thú, tích cực hơn, sẵn sàng tìm kiếm các ý tưởng mới và khám phá thực tế để chia sẻ với mọi người. Luận án đã góp phần khẳng định dạy học tương tác phát huy được tính tích cực, chủ động và sáng tạo của người học trong học tập, phát huy hiệu quả mối quan hệ tương tác giữa người học, người dạy và môi trường trong quá trình dạy học Địa lí 12 ở trường THPT.

- Đề tài đã vận dụng một số phương pháp và kĩ thuật vào tổ chức dạy học Địa lí lớp 12 ở trường THPT theo quan điểm sư phạm tương tác có hiệu quả. Trong đó xác định được các khái niệm, xây dựng quy trình, các ưu điểm và những chú ý khi vận dụng phương pháp sư phạm tương tác và các phương pháp tích cực vào tổ chức dạy học Địa lí lớp 12 theo yêu cầu từng phần của bài học, khi thì tạo động lực, khi tìm hiểu kiến thức mới hay khi ôn tập kiểm tra. Đề tài cũng đã ứng dụng công nghệ thông tin vào thiết kế một số bài dạy theo hướng dạy học tương tác đạt được hiệu quả cao.

1.5. Tiến hành dạy thực nghiệm tại một số trường THPT để so sánh, kiểm nghiệm giả thuyết của đề tài nêu ra. Kết quả thực nghiệm đã kiểm chứng được tính hiệu quả và khả thi cao của đề tài nghiên cứu. Các kết quả đánh giá định lượng và định tính được thể hiện cụ thể ở các bảng (từ bảng 3.2 đến bảng 3.14) cho thấy việc tổ chức dạy học

Địa lí 12 theo quan điểm sư phạm tương tác đã có tác động tích cực đến tinh thần, thái độ, kết quả học tập, phát triển năng lực của học sinh, góp phần đổi mới phương pháp và nâng cao chất lượng dạy học ở trường phổ thông.

2. Một số khuyến nghị, đề xuất

2.1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Sở Giáo dục và Đào tạo

Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về đổi mới chương trình, SGK, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh theo định hướng phát triển năng lực nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên ở trường phổ thông. Điều đó sẽ giúp giáo viên áp dụng hiệu quả các chiến lược, phương pháp và kĩ thuật dạy học tương tác vào thực tế dạy học địa lí ở trường phổ thông, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông trong giai đoạn mới.

2.2. Đối với nhà trường phổ thông

Để tổ chức dạy học tương tác đạt hiệu quả cao thì ngoài việc giáo viên thường xuyên sử dụng các phương pháp, kĩ thuật tương tác, nhà trường cần nỗ lực tạo một môi trường học tập thuận lợi như việc đầu tư, bổ sung thêm những phương tiện, thiết bị kỹ thuật dạy học địa lí hiện đại, nguồn tài liệu tham khảo, phòng học bộ môn phục vụ cho dạy học, nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho việc dạy và học, tạo một môi trường học tập tích cực, phát huy được các mối quan hệ tương tác giữa HS với HS, giữa HS - GV và giữa HS - GV – MT một cách có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng dạy học địa lí ở trường phổ thông.

2.3. Đối với giáo viên

Nhận thức sâu sắc hơn về đổi mới giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất người học. Đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học địa lí ở trường phổ thông. Mỗi GV cần tăng cường hợp tác với các giáo viên khác để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau trong các buổi sinh hoạt tổ chuyên môn. Tăng cường tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông trong giai đoạn mới.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thị Ninh (2014), *Tổ chức hoạt động học tập địa lí trong môi trường sư phạm tương tác,* Tạp chí Giáo dục, (4/2014) trang 154-156 +151.
2. Nguyễn Thị Ninh (2014), *Những cơ sở khoa học của hoạt động học tập theo quan điểm sư phạm tương tác,* Tạp chí Giáo dục số 333, (5/2014) trang 29-32.
3. Nguyễn Thị Ninh (2014), *Cơ sở khoa học của đổi mới phương pháp dạy học Địa lí theo quan điểm sư phạm tương tác,* Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội, (8/2014) trang 125-133.
4. Nguyễn Thị Ninh (2016), *Dạy và học Địa lí 12 với bản đồ khái niệm trong môi trường sư phạm tương tác,* Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội, (1/2016) trang 69-76.
5. Nguyễn Thị Ninh (2016), *Sử dụng bảng trắng tương tác trong dạy học địa lí theo định hướng phát triển năng lực học sinh,* Tạp chí Thiết bị Giáo dục số 133 (9/2016) trang 37-39.
6. Nguyễn Thị Ninh (2016), *Vận dụng quan điểm sư phạm tương tác trong dạy học Địa lí lớp 12 theo định hướng phát triển năng lực,* Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ IX, Đại học Quy Nhơn tháng 12/2016, trang 1209
7. Nguyễn Thị Ninh (2017), *Đổi mới kiểm tra đánh giá trong dạy học địa lý 12 theo định hướng phát triển năng lực,* Tạp chí Thiết bị Giáo dục số 138 kỳ 1, (2/2017) trang 28-31.
8. Nguyễn Thị Ninh (2017), *Phát triển tư duy trực quan trong học tập Địa lí lớp 12 theo quan điểm sư phạm tương tác,* Tạp chí Thiết bị Giáo dục số 141 kỳ 2, (3/2017) trang 17-20.
9. Nguyễn Thị Ninh (2017), *Tổ chức dạy học tương tác trong môn Địa lí lớp 12 theo định hướng phát triển năng lực,* Tạp chí Thiết bị Giáo dục số 159 kỳ 2 (12/2017) trang 42-44.
10. Nguyễn Thị Ninh (2018), *Quy trình tổ chức dạy học tương tác trong môn Địa lí 12 theo định hướng phát triển năng lực,* Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ X, Đại học Đà Nẵng tháng 4/2018, trang 1606-1612.